TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
TP. CẦN THƠ
* * *

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08.5.2018
V/v tranh chấp: "*Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT - TP CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trung Hiếu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Thái Ánh Trinh**
2. Ông **Chung Khánh Nghị**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đinh Tuấn Anh** [1] Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt – Tp. Cần Thơ.

¢ Đại diện Viên kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ: Bà **Đỗ Thị Thùy Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2018/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 01 năm 2018 về việc *"Ly hôn"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị M –** sinh năm: 1974
ĐKTT: khu vực A, phường B, quận C, Tp. Cần Thơ.
Tạm trú: ấp D, xã E, huyện F, thành phố Hồ Chí Minh.
Bị đơn: Ông **Phan Văn L** - sinh năm: 1965
ĐKTT: khu vực A, phường B, quận V, Tp. Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Trước đây, bà Nguyễn Thị M và ông Phan Văn L do được M mối và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1997, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B ngày 15.11.2011. Vợ chồng chung sống bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2007 kéo dài đến ngày 30.12.2016 thì ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không phù hợp, bất đồng quan điểm,

thường hay xảy ra cãi nhau, ông L ghen tuông vô cớ, thường hay ăn nhậu và có hành vi đánh đập vợ con. Vợ chồng đã ly thân nhiều lần rồi chung sống lại nhưng vẫn không khắc phục được. Nay xét thấy không còn tình cảm, không thể tiếp tục sống chung cho nên bà M xin được ly hôn với ông L.

Về con chung: bà M xác định quá trình chung sống với ông L có 03 con chung: Phan Thị L1 – sinh ngày 07.12.1998, Phan Thị Trúc L2 – sinh ngày 26.01.2003 và Phan Thị Kim L3 – sinh ngày 02.02.2007, cả 03 cháu hiện do bà M đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, đối với cháu L1 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà M không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu L2 và cháu L3, bà M yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà M xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Phan Văn L, Tòa án đã tống đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông L không đến Tòa để giải quyết vụ án. Qua xác minh thực tế tại địa phương cho biết: ông L vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt. Vào khoảng năm 2014, gia đình ông L đã đi khỏi địa phương đến nơi khác làm ăn, một năm có về nhà khoảng 01 đến 02 lần, khi đi không có đến trình báo với chính quyền địa phương biết là đi đâu, làm gì.

Do bị đơn ông L bỏ đi khỏi địa phương, nhiều lần vắng mặt không đến Tòa để tham gia phiên hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được và vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên toà hôm nay: Nguyên đơn bà M vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày.

Bị đơn ông L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên toà của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đúng theo quy định pháp luật. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà M được ly hôn với ông L.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu L2 và cháu L3 cho bà M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, ông L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không đặt vấn đề giải quyết.

Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét mối quan hệ pháp luật, đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về việc ly hôn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Đối với bị đơn ông Phan Văn L đã bỏ đi khỏi địa phương, theo hướng dẫn tại Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05.5.2017, trường hợp này nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, ông L thay đổi nơi cư trú mà không có thông báo cho bà M và chính quyền địa phương biết về nơi cư trú mới cho nên Tòa án vẫn tiếp tục thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục chung. Xét việc ông L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp.

Xét về quan hệ hôn nhân, giữa bà M và ông L tiến tới hôn nhân vào năm 1997 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo bà M trình bày là do tính tình vợ chồng không phù hợp, bất đồng quan điểm, thường hay xảy ra cãi nhau, ông L có tính ghen tuông vô cớ, thường xuyên ăn nhậu và có hành vi đánh đập vợ con. Vợ chồng đã ly thân nhiều lần rồi chung sống lại nhưng vẫn không khắc phục được nên đã ly thân từ ngày 30.12.2016 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi ly thân cho đến nay đã hơn một năm nhưng giữa ông L và bà M không tìm được biện pháp hàn gắn tình cảm để vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống, ông L cũng có biết về việc bà M xin ly hôn nhưng ông không đến Tòa án để hòa giải, điều này cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà M được ly hôn với ông L là phù hợp.

- Về con chung: Theo bà M xác định và theo các giấy khai sinh trong hồ sơ thể hiện giữa ông L và M có 03 con chung tên là Phan Thị L1 – sinh ngày 07.12.1998, Phan Thị Trúc L2 – sinh ngày 26.01.2003 và Phan Thị Kim L3 – sinh ngày 02.02.2007, cả 03 cháu hiện do bà M đang trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, đối với cháu L1 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt vấn đề giải quyết. Đối với cháu L2 và cháu L3, tại biên bản ghi lời khai ngày 09.3.2018 hai cháu xác định hiện đang sống chung với bà M và có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà M là phù hợp, nghĩ nên chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà M xác định giữa vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung tuy nhiên do Tòa án không ghi nhận được lời khai của ông L cho nên nếu sau này ông L có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà M phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 147, 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014;
- Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05.5.2017;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Phan Văn L.

Về con chung: bà M và ông L có 03 con chung tên là Phan Thị L1 – sinh ngày 07.12.1998, Phan Thị Trúc L2 – sinh ngày 26.01.2003 và Phan Thị Kim L3 – sinh ngày 02.02.2007, do bà M đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, tiếp tục giao cháu L2 và cháu L3 cho bà M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, ông L không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu L1 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt vấn đề giải quyết.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông L, không ai được quyền ngăn cản. Ông L và bà M được quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Thị M phải nộp số tiền 300.000đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*, được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/003754 ngày 25.01.2018 (công nhận đã nộp xong).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN TRUNG HIẾU

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND phường B;
- VKSND Q. Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN TRUNG HIẾU

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND phường B;
- VKSND Q. Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ.